

BÀI 8

THUYẾT KIỀU BẢO AN BẢO OÁN (Trích *Truyện Kiều*)

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Thấy được tấm lòng nhân nghĩa, vị tha của Kiều và ước mơ công lí chính nghĩa theo quan điểm quần chúng nhân dân : con người bị áp bức đau khổ vùng lên thực hiện công lí "ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác".

- Thấy được thành công nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Du : khắc hoạ tính cách qua ngôn ngữ đối thoại.
- Biết vận dụng bài học để phân tích tính cách nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Du có khi được thể hiện qua bút pháp ước lệ miêu tả ngoại hình (đoạn trích *Chị em Thuý Kiều*), có khi lại được thể hiện qua ngôn ngữ độc thoại, qua bút pháp tả cảnh ngụ tình để miêu tả tâm trạng (đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích*). Trong bài này, nghệ thuật miêu tả nhân vật được thể hiện qua ngôn ngữ đối thoại. Nguyễn Du đã bằng ngôn ngữ đối thoại mà khắc hoạ tính cách Thuý Kiều, Hoạn Thư. GV cần chú ý hệ thống hoá lại kiến thức để HS thấy được thành tựu nghệ thuật xây dựng nhân vật của kiệt tác *Truyện Kiều*.

2. GV cần thấy được điểm khác nhau cơ bản giữa *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân : Trong *Kim Vân Kiều truyện*, Thuý Kiều đã đánh đòn Hoạn Thư đến thập tứ nhất sinh, "Hoạn thị về nhà, an dưỡng nửa năm mới khởi". Trong *Truyện Kiều* thì sau khi nghe Hoạn Thư "liệu điều kêu ca", Kiều đã tha bổng Hoạn Thư. Về cách đối xử của Kiều với Hoạn Thư đã từng có những ý kiến khác nhau. Có người chê trách, có người đề cao việc làm đó của Kiều. Điều cơ bản là phải thấy được tính chất hợp lí của hành động Kiều tha bổng Hoạn Thư :

- Bản chất Kiều là người phụ nữ có tấm lòng vị tha, nhân hậu.
- Hoạn Thư là con người "khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời".
- Nguyễn Du là nhà nghệ sĩ thiên tài không những thấu hiểu mà còn miêu tả những diễn biến phức tạp của đời sống tâm lí con người một cách tinh tế, chính xác.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Giới thiệu bài.

- Vị trí đoạn trích : Trải qua "hết nạn nọ đến nạn kia", Kiều đã nếm đủ mọi điều đắng cay, tương nàng phải buông xuôi trước số phận : "Biết thân chạy chẳng khỏi trời – Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh". Chính lúc Kiều vô vọng thì Từ Hải xuất hiện. Kiều gặp Từ Hải, một bước ngoặt quan trọng đã mở ra trên hành trình số phận người con gái họ Vương. Người anh hùng "đội trời

đạp đất" chẳng những cứu Kiều thoát khỏi cuộc sống lầu xanh mà còn đưa nàng từ thân phận "con ong cái kiến" bước lên địa vị một quan toà cầm cán cân công lí, "ơn đền oán trả". Đoạn *Thúy Kiều báo ân báo oán* miêu tả cảnh Kiều đền ơn những người đã cứu mang giúp đỡ nàng, đồng thời trừng trị những kẻ bất nhân, tàn ác. Đoạn trích đã lược bớt một số câu thơ để làm nổi bật lên cuộc đối thoại giữa Kiều và Hoạn Thư. Điều này không làm ảnh hưởng tới nội dung màn báo ân báo oán (vẫn có đền ơn, trả oán).

– Kết cấu đoạn thơ :

+ Mười hai câu đầu : *Thúy Kiều báo ân* (trả ơn Thúc Sinh).

+ Những câu còn lại : *Thúy Kiều báo oán* (cuộc đối đáp giữa Kiều và Hoạn Thư).

Hoạt động 2. Hướng dẫn đọc – hiểu văn bản.

1. Phân tích cảnh *Thúy Kiều trả ơn Thúc Sinh* trong mười hai câu thơ đầu.

– Thúc Sinh được mời tới trong cảnh oai nghiêm của nơi Kiều xử án : "Cho gươm mời đến Thúc lang". Trước những gươm lớn giáo dài, chàng Thúc hoảng sợ đến mức mất cả thần sắc, "mặt như chàm đỏ", người run lên, đi không vững. Hình ảnh tội nghiệp này hoàn toàn phù hợp với tính cách có phần nhu nhược của Thúc Sinh.

– Qua lời nói của Kiều, có thể thấy nàng rất trọng tấm lòng và sự giúp đỡ mà Thúc Sinh dành cho nàng trong cơn hoạn nạn :

+ Thúc Sinh đưa Kiều ra khỏi lầu xanh, cứu nàng thoát cảnh đời ô nhục. Cùng với chàng Thúc, Kiều có những tháng ngày êm ấm trong cuộc sống gia đình. Nàng gọi đó là "nghĩa nặng nghìn non". Trong hình thức của cách nói văn chương, sách vở là tấm lòng biết ơn chân thật của Kiều. Hai chữ "người cũ" tiếng Việt mang sắc thái thân mật, gần gũi, khác với hai chữ "cố nhân" mang sắc thái trang trọng.

+ Vì gắn bó với Thúc Sinh mà đời Kiều thêm một lần khổ với thân phận làm lẽ đau đớn hơn một kẻ tôi đòi. Tuy nhiên, Kiều hiểu nỗi đau khổ của nàng không phải do Thúc Sinh gây ra mà thủ phạm là Hoạn Thư. *Thúy Kiều* thấu hiểu hoàn cảnh của Thúc Sinh : "Tại ai há dám phụ lòng cố nhân?". Với Kiều thì dù có "Gấm trăm cuốn bạc nghìn cân" cũng chưa dễ xứng với ơn nghĩa của Thúc Sinh. Tấm lòng "nghĩa nặng nghìn non" thì gấm vóc, bạc vàng nào có thể cân cho được ?

+ Khi nói với Thúc Sinh, Kiều dùng những từ Hán Việt : *nghĩa, tông, cố nhân, tạ ...*, điển cố : *Sâm Thương*. Cách nói trang trọng này phù hợp với chàng thư sinh họ Thúc đồng thời diễn tả được tấm lòng biết ơn trân trọng của Kiều.

Riêng về hai chữ *Sâm Thương*, có hai cách giải thích. Theo cách thứ nhất, *Sâm* và *Thương* là hai ngôi sao khác nhau : "...trong vòm trời hai vì sao ấy cách nhau gần 180 độ, cho nên hễ sao này mọc thì sao kia lặn, không thể nào cùng thấy trong một bầu trời (người ta vẫn hiểu lầm là sao Hôm và sao Mai)..." (Đào Duy Anh, *Từ điển Truyện Kiều*, NXB Khoa học xã hội, 1989, tr. 395). Theo cách thứ hai, *Sâm Thương* là sao Hôm, sao Mai và hai sao này thực ra chỉ là một. Nguyễn Ngọc San và Nguyễn Quảng Tuân, lúc chú giải *Truyện Kiều* đều giải thích *Sâm* là sao Hôm, *Thương* là sao Mai. Sao Hôm và sao Mai, theo thiên văn học hiện đại chỉ là một : "Sự thật là sao Hôm và sao Mai chỉ là một ngôi sao duy nhất, sao Kim. Cho tới nay hầu như ai cũng đã nhận thức được đây là một ngôi sao duy nhất nhưng thành ngữ "Sao Hôm sao Mai" vẫn được sử dụng trong tiếng Việt để chỉ sự xa cách..." (theo *Bách khoa toàn thư Wikipedia*). Dù giải thích theo cách nào thì *Sâm Thương* cũng là để chỉ sự chia li, cách biệt không bao giờ gặp nhau.

– Trong khi nói với Thúc Sinh, Kiều đã nói về Hoạn Thư. Điều đó chứng tỏ vết thương lòng mà Hoạn Thư gây ra cho Kiều đang còn quá xót xa. Lúc nói về Hoạn Thư, ngôn ngữ của Kiều lại hết sức nôm na, bình dị. Nàng dùng những thành ngữ quen thuộc "kẻ cắp bà già gặp nhau", "kiến bò miệng chén" với những từ Việt dễ hiểu. Hành động trừng phạt cái ác theo quan điểm của nhân dân phải được diễn đạt bằng lời ăn tiếng nói của nhân dân.

2. Phân tích cuộc đối đáp giữa Kiều và Hoạn Thư ở cảnh báo oán trong đoạn thơ còn lại.

– Hành động, lời nói của Kiều đều biểu thị thái độ mỉa mai đối với Hoạn Thư. Nàng vẫn dùng cách xưng hô như hồi còn làm hoa nô cho nhà họ Hoạn, vẫn một điều "chào thưa", hai điều "tiểu thư". Cách xưng hô này trong hoàn cảnh giữa Kiều và Hoạn Thư đã có sự thay bậc đổi ngôi là một đòn mỉa mai quất mạnh vào danh gia họ Hoạn.

– Trong lời nói của Kiều có cả giọng đay nghiến khi câu thơ như dẫn ra từng tiếng, khi từ ngữ được lặp lại, nhấn mạnh : *dễ có, dễ dàng, mấy tay, mấy mặt, mấy gan, đời xưa, đời này, càng cay nghiệt, càng oan trái...* Cách nói này hoàn toàn phù hợp với đối tượng là Hoạn Thư, phù hợp với con người "Bề ngoài thơn thớt nói cười – Mà trong nham hiểm giết người không dao".

Giọng điệu mỉa mai, đay nghiến của Kiều cho thấy nàng quyết trừng trị Hoạn Thư theo đúng quan niệm "Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa".

Trước lời nói, thái độ của Kiều, phút giây đầu Hoạn Thư có "hồn lạc, phách xiêu". Nhưng ngay trong hoàn cảnh ấy, Hoạn Thư vẫn kịp "liệu điều kêu ca". Đây quả là con người khôn ngoan, giáo hoạt.

GV cần tập trung phân tích lời "kêu ca" thực chất là cách lí giải để gỡ tội của Hoạn Thư :

+ Trước hết Hoạn Thư dựa vào tâm lí thường tình của người phụ nữ để gỡ tội : "Rằng tôi chút phận đàn bà – Ghen tuông thì cũng người ta thường tình". Lí lẽ này đã xoá đi sự đối lập giữa Kiều và Hoạn Thư, đưa Kiều từ vị thế đối lập trở thành người đồng cảnh, cùng chung "chút phận đàn bà". Nếu Hoạn Thư có tội thì cũng là do tâm lí chung của giới nữ : "Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai". Từ tội nhân, Hoạn Thư đã biện bạch để mình trở thành nạn nhân của chế độ đa thê.

+ Tiếp đến Hoạn Thư kể lại "công" đã cho Kiều ra viết kinh ở gác Quan Âm và không bắt giữ khi nàng bỏ trốn khỏi nhà họ Hoạn.

+ Cuối cùng Hoạn Thư nhận tất cả tội lỗi về mình, chỉ còn biết trông cậy vào tấm lòng khoan dung, độ lượng lớn rộng như trời biển của Kiều : "Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng".

– Trước những lời kêu ca của Hoạn Thư, Kiều đã phải thừa nhận đây là con người "Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời". Hoạn Thư đưa Kiều tới chỗ khó xử : "Tha ra thì cũng may đời – Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen". Nàng có rắn đe Hoạn Thư nhưng rồi lại khoan dung độ lượng : "Đã lòng tri quá thì nên". Hoạn Thư đã biết lỗi, đã xin tha thì Kiều cũng cư xử theo quan điểm triết lí dân gian "Đánh kẻ chạy đi chứ không đánh người chạy lại".

– Qua các lí lẽ để gỡ tội, có thể thấy Hoạn Thư "sâu sắc nước đời" đến "quỷ quái tinh ma". Tuy nhiên, việc Hoạn Thư được tha bổng không hoàn toàn phụ thuộc vào sự "tự bào chữa" mà chủ yếu là do tấm lòng độ lượng của Kiều. Đoạn *Thúy Kiều báo ân báo oán* một lần nữa đã làm ngời lên tấm lòng vị tha nhân hậu của người con gái họ Vương.

– Từ thân phận con người bị áp bức, đau khổ, Thuý Kiều đã trở thành vị quan toà cầm cân cân công lí. Đoạn *Thúy Kiều báo ân báo oán* là sự phản ánh khát vọng ước mơ công lí chính nghĩa của thời đại Nguyễn Du (GV có thể so sánh mở rộng khát vọng công lí chính nghĩa trong *Truyện Kiều* với một số truyện cổ tích như *Truyện Tấm Cám*, *Truyện Thạch Sanh*, *Truyện cây tre trăm đốt*...).

Hoạt động 3. Tổng kết.

– GV tổng hợp, khái quát lại nghệ thuật xây dựng nhân vật trong đoạn trích :

+ Thúc Sinh qua diện mạo ;

+ Thuý Kiều, Hoạn Thư qua ngôn ngữ đối thoại.

– GV hệ thống hoá lại nghệ thuật xây dựng nhân vật trong *Truyện Kiều* qua cả ba đoạn trích *Chị em Thuý Kiều*, *Kiều ở lầu Ngưng Bích*, *Thuý Kiều báo ân báo oán* (xem *Những điều cần lưu ý*).